

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ FOXCOM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ FOXCOM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FOXCOM VIETNAM TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FOXCOM ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110143924

**3. Ngày thành lập:** 07/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

80 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0937909986

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659(Chính) |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                             | 8299 |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy vi tính;                                                                                                                                                                       | 8559 |
| 12. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                            | 9511 |
| 13. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                           | 9512 |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                | 6201 |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                  | 6202 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                      | 6209 |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                   | 6311 |
| 18. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                            | 6312 |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v... | 6399 |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                            | 7490 |
| 21. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                           | 2610 |
| 22. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                            | 2620 |
| 23. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                       | 2630 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                   | 2640 |
| 25. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                       | 2651 |
| 26. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                            | 2750 |
| 27. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                        | 2817 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                   | 4791 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                              | 4799 |
| 30. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet                                                                                                                                                      | 6190 |

|     |                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                      | 7730 |
| 32. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                          | 3312 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                              | 3313 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                              | 3314 |
| 35. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                                                     | 3530 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt đèn chiếu sáng, thiết bị điện<br>- Hệ thống báo động chống trộm                                                                                     | 4321 |
| 37. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4742 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4759 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4763 |
| 41. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác                                                            | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN VĂN<br>KIÊM      | Thôn Nam Thắng,<br>Xã Xuân Hòa,<br>Huyện Xuân<br>Trường, Tỉnh<br>Nam Định, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,330       | 0360890052<br>84                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,330       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | DƯƠNG THỊ<br>NGỌC NGÀ | Thôn Lân Dạ, Xã<br>Đồng Ý, Huyện<br>Bắc Sơn, Tỉnh<br>Lạng Sơn, Việt<br>Nam             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,330       | 0201890016<br>94                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 33,330       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
|---|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | PHÙNG<br>XUÂN KHOA | Thôn Điểm Ba,<br>Xã Sơn Đông, Thị<br>Xã Sơn Tây,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 33,340 | 0010810357<br>84 |
|   |                    |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                   | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 33,340 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN VĂN KIÊM**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **26/01/1989**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **036089005284**

Ngày cấp: **31/08/2017**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Nam Thắng, Xã Xuân Hòa, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Nam Thắng, Xã Xuân Hòa, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam**

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội